

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH TUỜNG
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ - ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2022
“*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TUỜNG, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Tiến Vững

2. Bà Vũ Thị Thu Liễu

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Chín - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bảo N, sinh năm 1998; địa chỉ: Khu 2, thị trấn T, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Bảo N trình bày:

Về tình cảm: Chị kết hôn với anh Nguyễn Duy Q ngày 28/6/2021, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong vợ chồng chị về ở chung cùng

mẹ đẻ anh Q. Ngay từ thời gian đầu chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và bất đồng quan điểm sống. Đến khoảng tháng 11/2021 thì chị về nhà bố mẹ đẻ sống và ly thân với anh Q từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Duy Q vắng mặt tại Tòa, nhưng tại Bản tự khai đề ngày 08 tháng 6 năm 2022, anh Q trình bày: Anh thừa nhận chị N trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn là đúng. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Khoảng tháng 11 năm 2021, chị N xin về nhà mẹ đẻ chơi, từ đó đến nay chị ở luôn nhà mẹ đẻ không về nhà anh nữa, mặc dù hai vợ chồng không có mâu thuẫn, cãi vã gì. Nay chị N xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Anh và chị N không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị N phải trả cho anh 30 triệu đồng là tiền anh đưa chị N đi học phun xăm và mua máy phun xăm. Trong số 30 triệu này có khoảng 15 triệu anh đưa trực tiếp cho chị N không có giấy tờ gì. Còn lại 15 triệu tiền mua máy phun xăm anh có hóa đơn. Tại buổi hòa giải ngày 08/6/2022 anh chưa cung cấp được cho Tòa án. Anh cam đoan đến 08 giờ 00 phút ngày 15/6/2022 sẽ cung cấp cho Tòa án các chứng từ hóa đơn thể hiện việc mua máy để cho chị N làm nghề phun xăm. Nếu sau ngày 15/6/2022, anh không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như đã cam kết thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N không nhất trí trả anh Q số tiền 30.000.000đ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án

theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị N đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh Q không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Cho chị Nguyễn Bảo N được ly hôn anh Nguyễn Duy Q; về con chung: Không có. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị N không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của anh Q về việc yêu cầu chị N trả số tiền 30.000.000đ, do anh Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Bảo N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Bảo N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Duy Q, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với anh Nguyễn Duy Q, quá trình giải quyết vụ án có đến Tòa án và trình bày bản tự khai duy nhất một lần, những lần triệu tập làm việc sau anh Q đều vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Q vẫn vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ 2 lần nhưng đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Q đăng ký kết hôn ngày 28/6/2021, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Tường. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị N và anh Q thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị N và anh Q có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị N trình bày ngay từ những ngày đầu cuộc hôn nhân đã có những bất đồng, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Chị N không có tình cảm với anh Q do đó chị N đã về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh Q khoảng 9 tháng nay.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị N và anh Q chung sống trước đây cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q. Việc chị N xin ly hôn và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía anh Q không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ khoảng cuối tháng 11/2021. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Q chỉ ra Tòa án làm việc duy nhất một lần, sau này Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh Q không lên làm việc và cũng không có động thái tích cực để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị N và anh Q không có con chung.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị N, anh Q không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc anh Q yêu cầu chị N trả số tiền 30.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy: Tại buổi hòa giải ngày 08/6/2022, anh Q trình bày trong số tiền 30 triệu anh đưa 15 triệu cho chị N không có tài liệu gì chứng minh. Còn 15 triệu anh có hóa đơn. Tòa án đã ấn định ngày giao nộp tài liệu chứng cứ là ngày 15/6/2022 anh Q phải cung cấp cho Tòa án các chứng từ hóa đơn thể hiện việc mua máy phun sấm nhưng cho đến nay anh Q vẫn không cung cấp được cho Tòa án. Phía chị N không thừa nhận số tiền 30 triệu đồng là tiền anh Q cho

chị. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Bảo N được ly hôn anh Nguyễn Duy Q.
- Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Bảo N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005487 ngày 10/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Hoàng Thị Quỳnh

